TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2020
"v/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 19-02-2020 về việc "*ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-5-2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Quản Thị N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại: Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Quản Thị T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1991;

HKTT và cư trú: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Quản Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Phú T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 30-12-2016. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng khi định hướng tương lai của hai vợ chồng khác nhau. Chị N muốn làm việc tại Nhật Bản còn anh T thì muốn trở về Việt Nam làm việc. Thực tế anh T đã về Việt Nam sinh sống và làm việc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06-5-2020, bị đơn anh Nguyễn Phú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 30-12-2016 tại UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, anh chị quen biết nhau tại Nhật Bản, sau đó đã về Việt Nam đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới. Sau ngày cưới, anh chị lại sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Quá trình chung sống, do anh và chị N không thống nhất về quan điểm sống, chị N muốn ở lại Nhật Bản còn anh muốn về Việt Nam làm việc nên dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn. Anh đã về Việt Nam từ tháng 6/2019, còn chị N vẫn ở lại Nhật Bản. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai anh chị.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Quản Thị T1 trình bày: Chị được chị N ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án hôn nhân gia đình giữa chị N và anh T để thực hiện việc giao nộp các tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị N, thay mặt chị N quyết định các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, chị T1 đã thông tin lại cho chị N biết. Quan điểm của chị N vẫn giữ nguyên như trong đơn khởi kiện là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Phú T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì chị không biết được. Chị chỉ nghe chị N kể lại, trong quá trình chung sống, chị N và anh T đã

xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị N muốn tiếp tục làm việc tại Nhật Bản còn anh T lại muốn trở về Việt Nam làm việc. Do mâu thuẫn nên chị N và anh T đã sống ly thân được từ cuối năm 2018, mỗi người sống một nơi. Anh T đã trở về Việt Nam còn chị N vẫn đang ở Nhật Bản.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Quá trình chị N và anh T chung sống, địa phương không rõ anh chị có mâu thuẫn gì hay không. Ủy ban nhân dân xã xác định anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị Quản Thị N, sinh năm 1991 đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hiện không có mặt tại địa phương.

Ngày 02-3-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Quản Thị N. Ngày 06-3-2020, Cục quản lý xuất nhập cảnh có công văn trả lời số 2892. Xác nhận chị Quản Thị N đã xuất nhập cảnh 15 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 18-8-2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau, chị N xin ly hôn, anh T nhất trí như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N và anh T ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quản Thị N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Quản Thị T1 và bị đơn anh Nguyễn Phú T đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Quản Thị N và anh Nguyễn Phú T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30-12-2016 tại UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn khi chị N muốn làm việc tại Nhật Bản còn anh T thì muốn trở về Việt Nam làm việc. Đến tháng 6/2019, anh đã trở về Việt Nam, còn chị N vẫn ở lại Nhật Bản. Do khoảng cách địa lý, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, không quan tâm, trách nhiệm với nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị N và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai anh chị. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Chị N và anh T không có con chung nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3].Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quản Thị N ly hôn anh Nguyễn Phú T.

2. Về án phí: Chị Quản Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002063 ngày 19-02-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Chị N đã nộp xong án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Quản Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Phú T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài